TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05A/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Nông Xuân Nghiêm

***Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Hà Trưng - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Đức V - sinh năm 1960; dân tộc: kinh.

HKTT: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

(Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Q - sinh năm 1963; dân tộc: kinh.

HKTT: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

(Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan:

1. Trần Thị H (trú tại: khu tái định cư M, thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng); vắng mặt có lý do.

2. Trần Thị N (trú tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); vắng mặt có lý do.

3. Trần Văn T (trú tại: xóm H, huyện P, tỉnh Cao Bằng); vắng mặt có lý do.

4. Hoàng Thị H (trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); có mặt.

5. Trần Đức V (trú tại: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); vắng mặt có lý do.

6. Ngân hàng C - Chi nhánh Cao Bằng; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lương Đức V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lương Đức V và bà Trần Thị Q kết hôn vào tháng 11/1990, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng (nay là tỉnh Bắc Kạn). Khi cưới ông V đang làm lao động tự do.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2005 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nhau, luôn xảy ra cãi vã, mâu thuẫn xảy ra chưa được hai bên gia đình khuyên giải. Tại tòa ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: quá trình chung sống ông V và bà Q có 02 con chung tên là: Lương Đức Duy H (giới tính: nam) - sinh ngày 19/8/1991 và Lương Đức Ngọc S (giới tính: nam) - sinh ngày 10/7/1997. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung gồm các khoản sau: ông V và bà Q có vay Ngân hàng C 700.000.000đ từ năm 2015, số tiền nợ đã được trả dần; tuy nhiên số tiền hiện nay còn nợ số tiền bao nhiêu thì ông V không nắm rõ; nợ ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H - trú tại: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng số tiền 70.000.000đ. Ngoài ra không còn nợ ai. Tại phiên tòa về phần nợ chung ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2018 và các biên bản hòa giải bị đơn là bà Trần Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Q nhất trí với ý kiến của ông V về điều kiện và thời gian kết hôn. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thẫn là do ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, cụ thể là bà Mạc Thị H (trú tại: tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), ông V và bà H đã quen nhau từ tháng 9/2015, bà Q có thấy ông V và bà H ở cùng nhau trong nhà riêng của gia đình bà Q nhưng bà Q không trình báo với chính quyền địa phương. Từ thời gian đó đến nay, ông V vẫn thường xuyên gặp gỡ với bà H, thỉnh thoảng mới về nhà chung sống với bà Q. Bà Q xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà Q mong muốn được đoàn tụ gia đình cùng nuôi dạy con chung. Bà Q không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: quá trình chung sống bà Q và ông V có 02 con chung tên là: Lương Đức Duy H (giới tính: nam) - sinh ngày 19/8/1991 và Lương Đức Ngọc S (giới tính: nam) - sinh ngày 10/7/1997. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: bà Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Q trình bày về phần nợ chung gồm các khoản nợ sau:

1. Trần Thị H (trú tại: Khu tái định cư M, thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng).

+ Ngày 10/7/2008 vay 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

+ Ngày 20/10/2011 vay 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

2. Trần Thị N (trú tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng).

+ Ngày 18/10/2011 vay 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng chẵn).

+ Ngày 20/5/2017 vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng chẵn).

3. Trần Văn T (trú tại: xóm H, huyện P, tỉnh Cao Bằng)

Ngày 13/11/2011 vay 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

4. Hoàng Thị H (trú tai: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng)

Ngày 28/8/2016 vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng chẵn).

5. Trần Đức V (trú tại: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng)

+ Ngày 05/02/2018 vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

+ Ngày 29/5/2018 vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng chẵn)

6. Vay ngân hàng C chi nhánh Cao Bằng còn hơn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn).

Trường hợp ly hôn các khoản trên bà Q yêu cầu ông V phải cùng có trách nhiệm trả nợ.

- Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 bà Trần Thị H trình bày: ngày 13/11/2011 tôi có cho anh V và bà Q vay 280.000.000đ để mở bến bãi. Nguyện vọng của tôi là mong anh chị quay lại để cùng nhau nuôi dạy 2 cháu, bằng không thì bản thân tôi mong làm sao cả hai anh chị làm trả nợ cho tôi.

- Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 bà Trần Thị N trình bày: tôi có cho bà Q vay tiền ngày 18/10/2011 với số tiền 400.000.000đ; Vay lần thứ hai ngày 20/5/2017 với số tiền 30.000.000đ. Nay ông V, bà Q có yêu cầu ly hôn. Tôi yêu cầu ông bà thanh toán các khoản nợ cho tôi trước khi ly hôn với số tiền là 430.000.000đ.

- Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 bà Hoàng Thị H trình bày: tôi đã cho bà Trần Thị Q và ông Lương Đức V vay số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 28/8/2016 để trả nợ cho thợ làm nhà. Đến thời điểm này vẫn chưa trả cho tôi, số tiền vay bà Q đã ghi vào sổ nợ hai bên đã ký. Tôi muốn Tòa án giải quyết cho hai em tôi về với nhau. Nếu không được thì tôi mong Tòa án giải quyết số nợ của tôi trước khi ly hôn. Ông V và bà Q phải có trách nhiệm trả số tiền trên mới được ly hôn.

- Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 ông Trần Đức V trình bày: tôi là Trần Đức V là em cậu của bà Trần Thị Q có cho chị Q vay một số tiền để trang trải nợ nhà nghỉ. Lần thứ nhất vào ngày 05/02/2018, tôi cho chị tôi là Trần Thị Q vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng chẵn) có ghi sổ nợ riêng của gia đình tôi, khi đưa tiền có cô Trần Thị T là em dì của bà Trần Thị Q đi cùng đưa tiền tại nhà khách sạn D (là nhà của bà Q). Lần thứ hai vào ngày 29/5/2018, tôi lại cho chị Q vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), tôi đưa tại nhà em cô tôi là Trần Thị T (khách sạn Đ), cả hai đợt đều có em cô Trần Thị T làm chứng. Tổng số nợ cả hai đợt là 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng). Nay ông V bà Q có yêu cầu xin ly hôn, tại Tòa tôi có yêu cầu ông bà V, Q phải thanh toán số nợ mà tôi đã cho vay là 370.000.000đ trước khi ly hôn. Bản thân tôi mong muốn ông bà Q, V đoàn tụ sum họp gia đình, bảo ban nhau làm ăn vì còn hai con trai là Lương Đức Duy H và Lương Đức Ngọc S, mà hơn nữa hai con của ông bà Q, V không có công ăn việc làm, nếu bỏ nhau thì con cái bơ vơ, điều mong muốn của tôi là hai vợ chồng Q, V đoàn tụ để cùng nhau làm ăn nuôi dạy con cái, tập trung vào thanh toán số nợ đã vay để làm nhà nghỉ. Khối tài sản mà ông bà Q, V đang có đây không phải là hai vợ chồng làm nên mà nguồn gốc đất là do ông bố đẻ của bà Q chia cho để ở (nguồn gốc đất là của bên ngoại) chứ không phải hai vợ chồng làm ra.

- Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 ông Trần Văn T trình bày: tôi có cho bà Q vay tiền mặt tổng là 80.000.000đ vào ngày 13/11/2011, số tiền này bà Q có ghi vào sổ nợ, nay ông V bà Q yêu cầu Tòa án ly hôn thì tôi yêu cầu ông bà Q, V thanh toán số nợ cho tôi trước khi ly hôn.

- Ngày 08/11/2018 Ngân hàng C - Chi nhánh Cao Bằng có Công văn số: 428/CV-CNCB-PGDSB phản hồi Công văn số: 421/CV-TA ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng; Nội dung Công văn số 428/CV-CNCB-PGDSB như sau: ngày 17/11/2015, Ngân hàng C - Chi nhánh Cao Bằng và ông Lương Đức V, bà Trần Thị Q ký 01 Hợp đồng tín dụng số: 363.2015/HĐTD-PBL với số tiền nhận nợ là: 700.000.000đ; hiện nay dư nợ còn lại của hợp đồng là 87.210.535 và lãi phát sinh. Trong quá trình vay vốn khách hàng luôn trả nợ đúng hạn theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng C - Chi nhánh Cao Bằng không yêu cầu tham gia tố tụng tại Tòa đối với vụ kiện trên mà sẽ thực hiện theo phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với những người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Ngày 23/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xác minh về mối quan hệ giữa ông Lương Đức V và bà Mạc Thị H; tại Biên bản xác minh ngày 11/10/2018, tổ trưởng tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng cho biết: chị Mạc Thị H hiện nay đang sinh sống tại tổ M, phường S, thành phố C, chung sống với bố đẻ là ông Mạc Đức D. Trước đây chị H có lấy chồng và sinh sống tại tổ H, phường S, thành phố C và đăng ký hộ khẩu thường trú tại đó, nhưng chồng chị H đã chết nên chị H và con trai có về sinh sống tại tổ M cho đến nay. Năm 2017 khi chị H sinh sống tại tổ M để chăm sóc bố đẻ thì có ông Lương Đức V thỉnh thoảng đến nhà bố cô H nhiều lần, không sinh sống thường xuyên nhưng thỉnh thoảng ghé qua vài ngày. Hai người có thường xuyên đi cùng

nhau và đưa đón nhau, cùng nhau chăm sóc bố cô H. Còn về quan hệ cụ thể giữa bà H và ông V như thế nào thì tổ dân phố không nắm rõ.

Tại phiên tòa ông Lương Đức V trình bày: về quan hệ hôn nhân vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn; về phần con chung: con chung đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết; về phần nợ chung: hai bên đã tự thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Q trình bày: về quan hệ hôn nhân bà nhất trí ly hôn vì không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng; về phần con chung: con chung đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết; về phần nợ chung: hai bên đã tự thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung.

Bà Hoàng Thị H có mặt tại phiên tòa và nhất trí với ý kiến của các bên đương sự tự thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị H, Trần Thị N, Trần Văn T, Trần Đức V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn thể hiện ý kiến không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về khoản nợ.

Đối với khoản nợ của Ngân hàng C - Chi nhánh Cao Bằng, ông V và bà Q xác nhận đến thời điểm Tòa án xét xử khoản nợ này đã được trả nợ hết cho Ngân hàng (có chứng từ giao dịch tất toán khoản vay kèm theo).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy ông V và bà Q về mặt tình cảm vợ chồng không còn, ông V yêu cầu ly hôn, bà Q nhất trí ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa ông V và bà Q không thể hàn gắn được, do đó cần thiết cho ông V và bà Q được ly hôn. Về con chung: con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét. Về tài sản chung: ông V và bà Q đều xác nhận không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét. Về nợ chung: các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lương Đức V được ly hôn bà Trần Thị Q; Về con chung: không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: không đặt ra xem xét; Về nợ chung: không đặt ra xem xét.

Trên đây là ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tiến hành tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án của Việm kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về mặt tố tụng: ông Lương Đức V viết đơn khởi kiện "Ly hôn" với bà Trần Thị Q, bị đơn là bà Trần Thị Q có nơi cư trú tại: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

[2] Về hôn nhân: Ông Lương Văn V và bà Trần Thị Q kết hôn vào năm 1990, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng (Nay là tỉnh Bắc Kạn). Như vậy quan hệ hôn nhân giữa Ông Lương Văn V và bà Trần Thị Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải và tạo điều kiện về mặt thời gian cho các bên đoàn tụ gia đình nhưng kết quả các bên không thể đoàn tụ được; Tại phiên tòa hôm nay ông V giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn vì không còn tình cảm và không thể sống chung kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; Trong quá trình hòa giải bà Q yêu cầu được đoàn tụ gia đình, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Q nhất trí ly hôn vì mâu thuẫn không thể khắc phục. Vì vậy, xét thấy ông V và bà Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó, trong khi đó quyền và nghĩa vụ vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa ông V và bà Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do đó, cho ông V được ly hôn với bà Q theo như yêu cầu của ông V và ý kiến của bà Q nhất trí ly hôn, cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về con chung: các bên đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung: ông V và bà Q đều xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay ông V và bà Q xác nhận, tự thỏa thuận về phần nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án xem xét về khoản nợ; Đối với khoản nợ của Ngân hàng C - Chi nhánh Cao Bằng, đến thời điểm xét xử các bên đã xuất trình chứng từ về việc thanh toán xong hợp đồng vay mượn và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: về phần nợ chung các bên đã tự thỏa thuận và thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: ông Lương Đức V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: ông Lương Đức V được ly hôn với bà Trần Thị Q.

[2] Về con chung: con chung đều đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về chia tài sản chung: các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết về tài sản chung;

[4] Về nợ chung: các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết về nợ chung;

[5] Về án phí: Ông Lương Đức V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn để sung công quỹ nhà nước. Ông Lương Đức V đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000373 ngày 30/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng nay được trừ vào số tiền án phí ông V phải nộp. Xác nhận ông V đã nộp đủ án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Thị H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ từ ngày tuyên án. Những người

có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nông Quốc Hùng